

# TÀI LIỆU MÔ TẢ KỸ THUẬT KẾT NỐI SMS GATEWAY

Copyright © 2011 OneSMS  
Website : [www.onesms.vn](http://www.onesms.vn)  
Last Updated: 31-03-2016



## MỤC LỤC

1. Giới thiệu tài liệu .....	3
2. Yêu cầu kỹ thuật .....	3
3. Các bước đầu nối kỹ thuật .....	3
4. Địa chỉ URL dùng cho kết nối .....	3
5. Đặc tả API.....	3
5.1. SendMT .....	4
5.1.1. Request Format .....	4
5.1.2. Response format .....	4
5.2. SendMTS .....	5
5.2.1. Request Format .....	5
5.2.2. Response format .....	6
5.3. SendMtMutiplePhone .....	7
5.3.1. Request Format .....	7
5.3.2. Response format .....	7
5.4. SendMtMutiplePhone_Ext .....	8
5.4.1. Request Format .....	8
5.4.2. Response format .....	10
5.5. SendMtMutipleComplex .....	11
5.5.1. Request Format .....	11
5.5.2. Response format .....	12
6. Một số lưu ý khi gửi nhận tin nhắn Thương hiệu .....	13
7. Hỗ trợ báo cáo kết quả gửi tin .....	13
8. Cách tính số bản tin .....	14
9. Yêu cầu khác.....	15
10. Phụ lục .....	15
10.1. Tạo checksum .....	15
10.2. Sample Code MD5 .....	16
10.3. Các ký tự escape XML và cách thay thế .....	16

## 1. Giới thiệu tài liệu

Tài liệu mô tả API dành cho các đối tác và các đơn vị liên quan kết nối hệ thống ONESMS GATEWAY để gửi tin nhắn Thương hiệu.

## 2. Yêu cầu kỹ thuật

Đối tác và đơn vị liên quan cần chuẩn bị những hạng mục sau:

Yêu cầu	Chú thích	Mô tả
Kết nối internet	Bắt buộc	Dành cho đối tác kết nối với hệ thống SMS Gateway của OneSms thông qua Internet
Ip tĩnh	Bắt buộc	
Khả năng lập trình	Bắt buộc	Để kết nối với hệ thống SMS Gateway của OneSms qua API, nhân lực đối tác yêu cầu phải có khả năng lập trình và triển khai theo tài liệu API

## 3. Các bước đầu nối kỹ thuật

- **Bước 1:** Onesms gửi tài liệu hướng dẫn kết nối cho đối tác.
- **Bước 2:** Onesms gửi tài khoản API và Thương hiệu test cho đối tác. Đối với đối tác sử dụng MD5: Onesms cung cấp sharekey.
- **Bước 3:** Đối tác tiến hành thử nghiệm kết nối, gửi Thương hiệu test và tiến hành các hạng mục lập trình và triển khai phía đối tác.
- **Bước 4:** Onesms gửi biên bản nghiệm thu kết nối kỹ thuật cho đối tác.
- **Bước 5:** Đối tác tiến hành test nghiệm thu kết nối kỹ thuật.
- **Bước 6:** Onesms gửi tài khoản và Thương hiệu theo hợp đồng cho đối tác.
- **Bước 7:** Onesms hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình 2 bên hợp tác kinh doanh.

## 4. Địa chỉ URL dùng cho kết nối

- Url để kết nối: <https://api.onesms.vn/wsPartners/Service.asmx>

## 5. Đặc tả API

Hệ thống SMS Gateway của Onesms cung cấp bộ API, giúp đối tác có thể kết nối hệ thống phía đối tác và hệ thống Onesms

- Đơn giản, dễ triển khai.
- Hỗ trợ giao thức bảo mật trong truyền tin: HTTPS.
- Có đầy đủ các hàm chức năng cho việc gửi tin và kiểm tra trạng thái gửi.
- Có cơ chế đảm bảo an toàn thông tin và toàn vẹn dữ liệu trong quá trình gửi nhận request, phù hợp với các mức độ yêu cầu của đối tác.

❖ Bộ API kết nối bao gồm 09 hàm chức năng sau:

API	Mô tả chức năng
SendMT	Hàm gửi 1 tin nhắn
SendMTS	Hàm gửi 1 tin nhắn có kèm mã tin nhắn đối tác truyền sang
SendMtMutiplePhone	Hàm gửi một nội dung tin nhắn tới nhiều số điện thoại Hỗ trợ tối đa 1000 số điện thoại trên một lần request
SendMtMutiplePhone_Ext	Hàm gửi một nội dung tin nhắn tới nhiều số điện thoại, có kèm check sum với mỗi số điện thoại. Hỗ trợ tối đa 1000 số điện thoại trên một lần request

SendMtMultipleComplex	Hàm gửi nhiều tin nhắn, mỗi số điện thoại một nội dung tin nhắn khác nhau, có kèm check sum với mỗi số điện thoại và nội dung tương ứng. Hỗ trợ tối đa 1000 số điện thoại và nội dung trên mỗi lần request
-----------------------	--

## 5.1. SendMT

### 5.1.1. Request Format

```
<soap:Body>
  <SendMT xmlns="http://lsms.vn/">
    <user>UserName</user>
    <pass>Password</pass>
    <sms>SmsContent</sms>
    <senderName>SenderName</senderName>
    <phone>PhoneNumber</phone>
    <isFlash>IsFlash</isFlash>
    <isUnicode>IsUnicode</isUnicode>
  </SendMT>
</soap:Body>
```

Tham số	Mô tả	Bắt buộc	Yêu cầu
user	Tên đăng nhập	Có	
pass	Mật khẩu	Có	
sms	Nội dung tin nhắn	Có	Không cho phép gửi các tin chứa các kí tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ý tự được mã hóa bởi 16bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)
senderName	Thương hiệu	Có	
phone	Số điện thoại cần gửi tin.	Có	Số điện thoại phải là số di động và định dạng theo mã quốc gia Việt Nam. Ví dụ: 84901759115
isFlash	Tin nhắn Flash	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False
isUnicode	Tin nhắn có dấu	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False

### 5.1.2. Response format

```
<soap:Body>
  <SendMTResponse xmlns="http://lsms.vn/">
    <SendMTResult>string</SendMTResult>
  </SendMTResponse>
</soap:Body>
```

Kết quả	Ý nghĩa
Successfull_+ [Id tin nhắn]	Gửi tin nhắn thành công. Id tin nhắn là id tin nhắn của Onesms. Đối tác dùng Id OneSms gửi sang để lấy trạng thái thực sự của tin gửi đi với hàm: <b>GetReport</b>
Sms contain unicode characters, set isUnicode is True to send	Tin nhắn có chứa ký tự Unicode
Phone's format is not valid 84983xxxxxx	Sai định dạng số điện thoại
Telco not in (Viettel,VNM,Vina,Mobi,Beeline,EVN,Sfone)	Nhà mạng không đúng
BrandName is not exist	Tên thương hiệu không đúng
SMS content not valid	Nội dung tin nhắn vượt quá 3 bản tin
Quota remain not enough	Lượng Quota còn lại của đối tác không đủ
SMSLoop	Tin nhắn bị lặp
Username or Password Fail.	Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng
Your's IP are locked	Ip của đối tác bị block
Your's IP are not found	Ip của đối tác chưa được đăng ký
Connection Error.	Lỗi kết nối.

## 5.2. SendMTS

### 5.2.1. Request Format

```
<soap:Body>
  <SendMTS xmlns="http://1sms.vn/">
    <user>UserName</user>
    <pass>Password</pass>
    <sms>SmsContent</sms>
    <senderName>SenderName</senderName>
    <phone>Phone</phone>
    <isFlash>IsFlash</isFlash>
    <isUnicode>IsUnicode</isUnicode>
    <cid>MsgId</cid>
  </SendMTS>
```

```
</soap:Body>
```

Tham số	Mô tả	Bắt buộc	Yêu cầu
user	Tên đăng nhập	Có	
pass	Mật khẩu	Có	
sms	Nội dung tin nhắn	Có	Không cho phép gửi các tin chứa các ký tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ký tự được mã hóa bởi 16 bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)
senderName	Thương hiệu	Có	

phone	Số điện thoại cần gửi tin	Có	Số điện thoại phải là số di động và định dạng theo mã quốc gia Việt Nam. Ví dụ: 84901759115
isFlash	Tin nhắn Flash	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False.
isUnicode	Tin nhắn có dấu	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False.
cid	Id tin nhắn của đối tác	Có	Cid là id tin nhắn của đối tác gửi sang OneSms. Cid là duy nhất. Định dạng id tin nhắn của đối tác gửi sang: <b>[user]-[msgId]</b> . Ví dụ: <b>onesmspartner-12545478</b>

### 5.2.2. Response format

```
<soap:Body>
    <SendMTSResponse
        xmlns="http://1sms.vn/"
        <SendMTSResult>string</SendMTSResult>
    </SendMTSRe
```

Kết quả	Ý nghĩa
Successfull_+ [Id tin nhắn]	Gửi tin nhắn thành công, Id tin nhắn là id tin nhắn của Onesms, đối tác dùng để lấy trạng thái thực sự của tin với hàm: <b>GetReport</b>
Sms contain unicode characters, set isUnicode is True to send	Tin nhắn có chứa ký tự Unicode
Phone's format is not valid 84983xxxxxx	Sai định dạng số điện thoại
Telco not in (Viettel,VNM,Vina,Mobi,Beeline,EVN,Sfone)	Nhà mạng không đúng
BrandName is not exist	Tên thương hiệu không đúng
SMS content not valid	Nội dung tin nhắn vượt quá 3 bản tin.
Quota remain not enough	Lượng Quota còn lại của đối tác không đủ.
SMSLoop	Tin nhắn bị lặp
cid:=null	Id tin nhắn của đối tác truyền vào là rỗng.
Username or Password Fail.	Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng.
Your's IP are locked	Ip của đối tác bị block.
Your's IP are not found	Ip của đối tác chưa được đăng ký.
Connection Error.	Lỗi kết nối

### 5.3. SendMtMutiplePhone

#### 5.3.1. Request Format

```
<soap:Body>
  <SendMtMutiplePhone xmlns="http://1sms.vn/">
    <user>UserName</user>
    <pass>Password</pass>
    <sms>SmsContent</sms>
    <senderName>SenderName</senderName>
    <phone>Phones</phone>
    <isFlash>IsFlash</isFlash>
    <isUnicode>IsUnicode</isUnicode>
  </SendMtMutiplePhone>
</soap:Body>
```

Tham số	Mô tả	Bắt buộc	Yêu cầu
user	Tên đăng nhập	Có	
pass	Mật khẩu	Có	
sms	Nội dung tin nhắn	Có	Không cho phép gửi các tin chứa các kí tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ý tự được mã hóa bởi 16bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)
senderName	Thương hiệu	Có	
phone	Số điện thoại cần gửi tin	Có	Số điện thoại phải là số di động và định dạng theo mã quốc gia Việt Nam. Ví dụ: 84901759115. Để gửi tới nhiều số điện thoại, đối tác truyền vào danh sách các số điện thoại, mỗi số điện thoại cách nhau bởi dấu “,” (dấu phẩy).
isFlash	Tin nhắn Flash	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False.
isUnicode	Tin nhắn có dấu	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False.

#### 5.3.2. Response format

```
<soap:Body>
  <SendMtMutiplePhoneResponse xmlns="http://1sms.vn/">
    <SendMtMutiplePhoneResult>
      --LOOP
      <string>result</string>
      --LOOP
    </SendMtMutiplePhoneResult>
  </SendMtMutiplePhoneResponse>
</soap:Body>
```

Kết quả trả về là dạng mảng string các kết quả tương ứng với các số điện thoại.

❖ **Lưu ý có 02 trường hợp kết quả trả về:**

- ✓ **Trường hợp 1:** Số lượng kết quả trả về bằng với số lượng số điện thoại gửi đi.  
Kết quả là kết quả tương ứng với từng số điện thoại.

✓ **Trường hợp 2:** Số lượng kết quả trả về nhỏ hơn số lượng số điện thoại gửi đi.  
Tất cả các số điện thoại gửi đi không thành công.

Kết quả	Ý nghĩa
Successfull	Gửi tin nhắn thành công
Sms contain unicode characters, set isUnicode is True to send	Tin nhắn có chứa ký tự Unicode
Phone's format is not valid 84983xxxxxx	Sai định dạng số điện thoại
Telco not in (Viettel,VNM,Vina,Mobi,Beeline,EVN,Sfone)	Nhà mạng không đúng
BrandName is not exist	Tên thương hiệu không đúng.
SMS content not valid	Nội dung tin nhắn vượt quá 3 bản tin
Quota remain not enough	Lượng Quota còn lại của đối tác không đủ
SMSLoop	Tin nhắn bị lặp
Username or Password Fail.	Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng
Your's IP are locked	Ip của đối tác bị block
Your's IP are not found	Ip của đối tác chưa được đăng ký
Connection Error.	Lỗi kết nối

## 5.4. SendMtMutiplePhone\_Ext

### 5.4.1. Request Format

```
<soap:Body>
  <SendMtMutiplePhone_Ext xmlns="http://lsms.vn/">
    <strRequest>dataXML</strRequest>
  </SendMtMutiplePhone_Ext>
</soap:Body>
```

Tham số truyền vào dạng String theo định dạng XML có cấu trúc như sau:

```
<RQST>
  <RQSTID>requestId</RQSTID>
  <USER>username</USER>
  <PASS>password</PASS>
  <SENDER>brandname</SENDER>
  <MSG>msg</MSG>
  <ISUNICODE>isUnicode</ISUNICODE>
  <ISFLASH>isFlash</ISFLASH>
  <DESS>
    //--Loop data
    <DES>

      <MSGID>msgId</MSGID>
      <PHONE>phone</PHONE>
      <CHECKSUM>checkSum</CHECKSUM>
    </DES>
    //--Loop data
  </DESS>
</RQST>
```



Các số điện thoại kèm checksum tương ứng được lắp lại trong cặp thẻ <DES></DES>.

Tham số	Mô tả	Bắt buộc	Yêu cầu
requestId	Id request của đối tác	Có	RequestId là duy nhất Để requestId là duy nhất, gợi ý định dạng requestId đối tác gửi sang: <b>[username]-[requestId]</b> . Ví dụ: <i>onesmspartner-014458</i>
username	Tên đăng nhập	Có	
password	Mật khẩu	Có	
brandname	Thương hiệu	Có	
msg	Nội dung tin nhắn	Có	Không cho phép gửi các tin chứa các kí tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ý tự được mã hóa bởi 16bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)
isFlash	Tin nhắn Flash	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False
isUnicode	Tin nhắn có dấu	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False
msgId	Id tin nhắn đối tác gửi sang	Có	MsgId là duy nhất Để đảm bảo tính duy nhất của msgId, gợi ý định dạng id tin nhắn đối tác gửi sang: <b>[username]-[msgId]</b> . Ví dụ: <i>onesmspartner-12134</i>
phone	Số điện thoại cần gửi tin	Có	Số điện thoại phải là số di động và định dạng theo mã quốc gia Việt Nam. Ví dụ: <i>84901759115</i>
checkSum	Mã check sum	Có	Được băm MD5. (Xem phụ lục về hàm băm MD5)

Định dạng dữ liệu đầu vào để băm checksum, bao gồm các tham số: *username*, *password*, *sendername*, *msgid*, *msg*, *phone*, *sharekey*.

```
username={0}&password={1}&sendername={2}&msgid={3}&msg={4}&phone={5}&sharekey={6}
```

Ví dụ chuỗi đầu vào băm checksum:

```
username=onesmspartner&password=14789533657&sendername=OneSms&msgid=onesmspartner-14587&msg=Chúc quý khách một ngày làm việc vui ve.&phone=84901759874&sharekey=6ACA5EK47F824FE4BAF3CF588DW23D5D
```

#### 5.4.2. Response format

```
<soap:Body>
  <SendMtMutiplePhone_ExtResponse xmlns="http://1sms.vn/">
    <SendMtMutiplePhone_ExtResult>
      --LOOP
      <ObjectReturn>
        <SmsId>string</SmsId>
        <ClientId>string</ClientId>
        <StatusCode>string</StatusCode>
      </ObjectReturn>
      --LOOP
    </SendMtMutiplePhone_ExtResult>
  </SendMtMutiplePhone_ExtResponse>
</soap:Body>
```

Kết quả trả về là dạng mảng các đối tượng **ObjectReturn**.

Tên	Ý nghĩa	Ghi chú
<b>SmsId</b>	SmsId hệ thống OneSms gửi về cho đối tác	SmsId = 0, gửi không thành công
<b>ClientId</b>	SmsId đối tác gửi sang OneSMS	
<b>StatusCode</b>	Trạng thái gửi tin	

❖ **Lưu ý có 02 trường hợp kết quả trả về:**

- ✓ **Trường hợp 1:** Số lượng kết quả trả về bằng với số lượng số điện thoại gửi đi. Kết quả là kết quả tương ứng với từng msgId mà đối tác gửi qua OneSms.
- ✓ **Trường hợp 2:** Số lượng kết quả trả về nhỏ hơn số lượng số điện thoại gửi đi. Tất cả các số điện thoại gửi đi không thành công.

Kết quả	Ý nghĩa
<b>Successfull</b>	Gửi tin nhắn thành công.
<b>Sms contain unicode characters, set isUnicode is True to send</b>	Tin nhắn có chứa ký tự Unicode.
<b>Phone's format is not valid 84983xxxxxx</b>	Sai định dạng số điện thoại.
<b>Telco not in (Viettel,VNM,Vina,Mobi,Beeline,EVN,Sfone)</b>	Nhà mạng không đúng.
<b>BrandName is not exist</b>	Tên thương hiệu không đúng.
<b>SMS content not valid</b>	Nội dung tin nhắn vượt quá 3 bản tin.
<b>Quota remain not enough</b>	Lượng Quota còn lại của đối tác không đủ.
<b>SMSLoop</b>	Tin nhắn bị lặp
<b>Sharekey not exists</b>	Sharekey của đối tác không tồn tại.
<b>RequestId incorrect!</b>	RequestId của đối tác truyền vào không đúng.
<b>Request incorrect formats!</b>	Định dạng dữ liệu gửi đi của đối tác không đúng.
<b>MsgId already exists!</b>	Id tin nhắn đối tác truyền sang đã tồn tại.
<b>Checksum invalid!</b>	Checksum không chính xác.
<b>Username or Password Fail.</b>	Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng.

Your's IP are locked	Ip của đối tác bị block.
Your's IP are not found	Ip của đối tác chưa được đăng ký.

## 5.5. SendMtMultipleComplex

### 5.5.1. Request Format

```
<soap:Body>
  <SendMtMultipleComplex xmlns="http://lsms.vn/">
    <strRequest>data XML</strRequest>
  </SendMtMultipleComplex>
</soap:Body>
```

❖ Tham số truyền vào dạng String theo định dạng XML có cấu trúc như sau:

```
<RQST>
  <RQSTID>requestId</RQSTID>
  <USER>username</USER>
```

```
  <PASS>password</PASS>
  <SENDER>brandname</SENDER>
  <DESS>
    <DES>
      <MSGID>msgId</MSGID>
      <MSG>msg</MSG>
      <PHONE>phone</PHONE>
      <ISUNICODE>isUnicode</ISUNICODE>
      <ISFLASH>isFlash</ISFLASH>
      <CHECKSUM>checkSum</CHECKSUM>
    </DES>
  </DESS>
</RQST>
```

Các số điện thoại kèm checksum tương ứng được lặp lại trong cặp thẻ <DES></DES>.

Tham số	Mô tả	Bắt buộc	Yêu cầu
requestId	Id request của đối tác	Có	RequestId là duy nhất. Để đảm bảo requestId là duy nhất, gợi ý định dạng requestId đối tác gửi sang: <b>[username]-[requestId]</b> . Ví dụ: onesmspartner-014458
username	Tên đăng nhập	Có	
password	Mật khẩu	Có	
brandname	Thương hiệu	Có	
msg	Nội dung tin nhắn	Có	Không cho phép gửi các tin chứa các kí tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ý tự được mã hóa bởi 16bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)
isFlash	Tin nhắn Flash	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False.
isUnicode	Tin nhắn có dấu	Có	Khi gửi tin nhắn đối tác truyền giá trị vào là False

msgId	Id tin nhắn đối tác gửi sang	Có	MsgId là duy nhất. Để đảm bảo msgId là duy nhất, gợi ý định dạng id tin nhắn đối tác gửi sang: <b>[username]-[msgId]</b> . Ví dụ: <i>onesmspartner-12134</i>
phone	Số điện thoại cần gửi tin	Có	Số điện thoại phải là số di động và định dạng theo mã quốc gia Việt Nam Ví dụ: <i>84901759115</i>
checksum	Mã check sum	Có	Được băm MD5. (Xem phụ lục về hàm băm MD5)

Định dạng dữ liệu đầu vào để băm checksum, bao gồm các tham số: *username, password, sendername, msgid, msg, phone, sharekey*.

```
username={0}&password={1}&sendername={2}&msgid={3}&msg={4}&phone={5}&sharekey={6}
```

Ví dụ chuỗi đầu vào băm checksum:

```
username=onesmspartner&password=14789533657&sendername=OneSms&msgid=onesmspartner-14587&msg=Chúc quý khách một ngày làm việc vui ve.&phone=84901759874&sharekey=6ACA5EK47F824FE4BAF3CF588DW23D5D
```

### 5.5.2. Response format

```
<soap:Body>
  <SendMtMutipleComplexResponse xmlns="http://lsms.vn/">
    <SendMtMutipleComplexResult>
      --LOOP
      <ObjectReturn>
        <SmsId>string</SmsId>
        <ClientId>string</ClientId>
        <StatusCode>string</StatusCode>
      </ObjectReturn>
      --LOOP
    </SendMtMutipleComplexResult>
  </SendMtMutipleComplexResponse>
</soap:Body>
```

Kết quả trả về là dạng mảng các đối tượng **ObjectReturn**.

Tên	Ý nghĩa	Ghi chú
<b>SmsId</b>	SmsId hệ thống OneSms gửi về cho đối tác	SmsId = 0, gửi không thành công
<b>ClientId</b>	SmsId đối tác gửi sang OneSMS.	
<b>StatusCode</b>	Trạng thái gửi tin	

#### ❖ Chú ý: có hai trường hợp trả về

- ✓ **Trường hợp 1:** Số lượng kết quả trả về bằng với số lượng số điện thoại gửi đi. Kết quả là kết quả tương ứng với từng msgId mà đối tác gửi qua OneSms.
- ✓ **Trường hợp 2:** Số lượng kết quả trả về nhỏ hơn số lượng số điện thoại gửi đi. Tất cả các số điện thoại gửi đi không thành công.

Kết quả	Ý nghĩa
Successfull	Gửi tin nhắn thành công
Sms contain unicode characters, set isUnicode is True to send	Tin nhắn có chứa ký tự Unicode
Phone's format is not valid 84983xxxxxx	Sai định dạng số điện thoại
Telco not in (Viettel,VNM,Vina,Mobi,Beeline,EVN,Sfone)	Nhà mạng không đúng
BrandName is not exist	Tên thương hiệu không đúng
SMS content not valid	Nội dung tin nhắn vượt quá 3 bản tin
Quota remain not enough	Lượng Quota còn lại của đối tác không đủ
SMSLoop	Tin nhắn bị lặp
Sharekey not exists	Sharekey của đối tác không tồn tại
RequestId incorrect!	RequestId của đối tác truyền vào không đúng
Request incorrect formats!	Định dạng dữ liệu gửi đi của đối tác không đúng
MsgId already exists!	Id tin nhắn đối tác truyền sang đã tồn tại
Checksum invalid!	Checksum không chính xác
Username or Password Fail.	Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng
Your's IP are locked	Ip của đối tác bị block
Your's IP are not found	Ip của đối tác chưa được đăng ký
Connection Error.	Lỗi kết nối

## 6. Một số lưu ý khi gửi nhận tin nhắn Thương hiệu

Username/password kết nối webservice, set quota liên hệ với kỹ thuật OneSms để được cung cấp.

Giới hạn gửi tin đi là 459 ký tự, không dấu bao gồm cả khoảng trắng. Không cho phép gửi các tin chứa các ký tự đặc biệt #, &, các ký tự Unicode (các ý tự được mã hóa bởi 16 bit ví dụ: tiếng việt, ký tự autocorrect từ office...)

Có hỗ trợ tin nhắn dài hơn 160 ký tự trong trường hợp cần thiết (tin nhắn dài) hoặc tin Tiếng Việt tuy nhiên cách tính tiền sẽ khác so với tin Tiếng Anh không dấu và nhỏ hơn 160 ký tự.

Đối tác sẽ được cấp Quota (Tổng số bản tin cho phép gửi) theo yêu cầu khi cần thiết để gửi tin. Tin nhắn sẽ không được gửi đi khi quota đã hết.

Các tin OTP (nội dung tin chứa các từ khóa: *So du, So tien, Banking, OTP, Mat khau, Ma dang ky, Ma so du thuong, Ma du thuong*) được ưu tiên gửi trong thời gian nhanh nhất.

## 7. Hỗ trợ báo cáo kết quả gửi tin

OneSms hỗ trợ gửi email thông kê sản lượng hàng ngày cho đối tác. Hỗ trợ gửi báo cáo gửi tin cho đối tác thông qua web service mà đối tác cung cấp.

### ❖ Yêu cầu:

- Đối tác cung cấp cho OneSms địa chỉ để kết nối tới web service (SOAP).

- Dạng url: ***http(s)://PartnerIPorDomain/?DeliverReportData=dataXML***
- Web service đối tác cung cấp phải có hàm (function): **DeliverReportData**. Tham số truyền vào là chuỗi định dạng XML.

```
<RQST>
  <USER>username</USER>
  <PASS>password</PASS>
  <DESS>
    <DES>
      <SMSID>smsid</SMSID >
      <CLIENTID>clientid</CLIENTID >
      <STATUS>statuscode</STATUS >
    </DES>
  </DESS>
</RQST>
```

Tên	Ý nghĩa	Ghi chú
username	Tài khoản đăng nhập webservice của đối tác	Đối tác cần cung cấp tài khoản đăng nhập và mật khẩu vào webservice bên phía đối tác
password	Mật khẩu đăng nhập webservice của đối tác	
smsid	Id của tin nhắn trên hệ thống của OneSms	Là mã tin nhắn trên hệ thống của OneSms trả về cho đối tác, khi đối tác gửi tin qua API mà OneSms đã cung cấp
clientid	Id của tin nhắn trên hệ thống của đối tác	Là mã tin nhắn trên hệ thống của đối tác
statuscode	Trạng thái gửi tin	Là trạng thái gửi tin nhắn sang nhà mạng

Statuscode	Ý nghĩa
1	Gửi tin thành công
2	Đang chờ gửi
3	Gửi thất bại
4	Sai mẫu tin

Trạng thái trả về của webservice bên phía đối tác phải là: “0” hoặc “1”. “1” tương ứng với thành công và “0” tương ứng với thất bại.

OneSms sẽ đẩy kết quả gửi của nhà mạng qua phía đối tác định kỳ 5p 1 lần, số tin nhắn (smsId) tối đa gửi trong 1 lần request là: 1000.

#### 8. Cách tính số bản tin

- Đối với tin chăm sóc khách hàng:
  - ✓ Ký tự từ 1-160 là bản tin thứ 1
  - ✓ Từ 161-306 là bản tin thứ 2
  - ✓ Từ 307-459 là bản tin thứ 3
- Đối với tin nhắn quảng cáo:
  - ✓ Ký tự từ 1-122 là bản tin thứ 1
  - ✓ Từ 123-268 là bản tin thứ 2

✓ Từ 267-421 là bản tin thứ 3

Tất cả các tin nhắn quảng cáo đều bị gắn thêm chuỗi 38 ký tự từ chối của nhà mạng. Tin nhắn chăm sóc khách hàng không bị gắn 38 ký tự từ chối của nhà mạng.

## 9. Yêu cầu khác

Đối tác cần tuân thủ các giới hạn sau đây khi sử dụng API kết nối hệ thống OneSms Gateway:

- Giới hạn số lượng kết nối đồng thời đến hệ thống: 20
- Giới hạn số lượng SMS trong một request: 1000
- Không sử dụng ID trùng nhau cho các request
- Không sử dụng ID trùng nhau cho các SMS trong request
- Truyền đầy đủ và chính xác các tham số yêu cầu.
- Các lỗi gây ra bởi việc vi phạm các quy định trên sẽ không được hỗ trợ bởi OneSms.
- Ngoài ra các hành vi không hợp lệ sẽ bị cảnh cáo và xử lý.

Đối với các đối tác sử dụng firewall, đối tác phải cấu hình firewall cho phép các request từ CP sang địa chỉ IP hiện thời của OneSms và có trách nhiệm cập nhật IP này khi có thay đổi. Đối với các đối tác không sử dụng DNS, đối tác phải cấu hình hosts với địa chỉ IP hiện thời và có trách nhiệm cập nhật IP khi có thay đổi.

## 10. Phụ lục

### 10.1. Tạo checksum

Tạo checksum sử dụng MD5 Checksum yêu cầu tham số sau:

- username: tên đăng nhập.
- password: mật khẩu.
- sendername: Brandname gửi tin.
- msgid: ID của tin nhắn trong request.
- msg: nội dung tin nhắn.
- phone: số điện thoại nhận tin, bắt đầu 84.
- sharekey: key bí mật được trao cho đối tác.

Chuỗi checksum được sinh ra bằng cách băm MD5 từ chuỗi ghép các tham số theo thứ tự nêu trên, cách nhau bằng dấu „&“, giữa tham số và giá trị cách nhau bằng dấu „=“

Ví dụ:

```
username=onesmspartner&password=14789533657&sendername=OneSms&msgid=onesmspartner-14587&msg=Chuc quy khach mot ngay lam viec vui ve.&phone=84901759874&sharekey=6ACA5EK47F824FE4BAF3CF588DW23D5D
```

Sau đó checksum sẽ được sinh ra lại ở phía OneSms để so sánh với chuỗi đối tác gửi sang nhằm kiểm tra tính toàn vẹn và chính xác của thông tin.



## 10.2. Sample Code MD5

Code C#

```
public string getMd5Hash(MD5 md5Hash, string input)
{
    byte[] data = md5Hash.ComputeHash(Encoding.UTF8.GetBytes(input));
    StringBuilder sBuilder = new StringBuilder();
    for (int i = 0; i < data.Length; i++)
        sBuilder.Append(data[i].ToString("x2"));
    return sBuilder.ToString();
}
```

Code Java

```
public static String getMD5Hash(String input) {
    StringBuffer sb = new StringBuffer();
    try {
        MessageDigest md = MessageDigest.getInstance("MD5");
        md.update(input.getBytes());
        byte[] output = md.digest();
        for (int i = 0; i < output.length; i++)
        {
```

```
            sb.append(Integer.toString((output[i] & 0xff) +
0x100, 16).substring(1));
        }
    } catch (NoSuchAlgorithmException e) {
        e.printStackTrace();
    }
    return sb.toString();
}
```

## 10.3. Các ký tự escape XML và cách thay thế

Ký tự	Thay thế
&	&amp;
<	&lt;
>	&gt;
'	&apos;
"	&quot;
\r	&#13;
\n	&#10;